

Số: 76/2020/QĐST-DS

Chư Prông, ngày 26 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 153/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A;

Địa chỉ: 442 N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Anh Đ – Giám đốc Phòng quản lý nợ.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Văn X và Ông Nguyễn Xuân S – Nhân viên Ngân hàng TMCP A Chi nhánh G. Địa chỉ: Số 38-40 đường Trần P, Phường S, thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Bị đơn: Anh Lê Tất Y và chị Phạm Thị H

Trú tại: thôn A, xã D, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về khoản nợ: Ông Lê Tất Y và bà Phạm Thị H công nhận có nợ và có nghĩa vụ chung trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh G, số tiền gốc 950.000.000đ (Chín trăm năm mươi triệu đồng), theo hợp đồng tín dụng số GIL.CN.1840.180119 ngày 18/01/2019 và tiền lãi tính đến ngày 16/10/2020 là: 97.800.046đ (Chín mươi bảy triệu tám trăm nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng).

Tổng cộng cả gốc và tiền lãi tính đến ngày 16/10/2020 là: 1.047.800.046đ (Một tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng).

Về thời hạn, phương thức trả tiền:

Về thời hạn thanh toán: Ông Lê Tất Y và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ chung thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh G, toàn bộ số tiền 1.047.800.046đ (Một tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 950.000.000đ (Chín trăm năm mươi triệu đồng) cùng với lãi suất phát sinh tính đến ngày 16/10/2020 là: 97.800.046đ (Chín mươi bảy triệu tám trăm nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng).

Thời hạn thanh toán: Từ ngày 16/10/2020 đến ngày 31/12/2020.

Về phương thức thanh toán: Việc thanh toán toàn bộ số nợ theo thứ tự như sau thanh toán vốn gốc sau đó thanh toán lãi phát sinh theo hợp đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành là 25/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp ông Lê Tất Y và bà Phạm Thị H không trả được nợ nêu trên cho ngân hàng, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất như sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: GIL.BĐCN.637.200117 được công chứng tại Văn phòng công chứng số 1, tỉnh Gia Lai ngày 21/01/2017 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh Gia Lai và ông Lê Tất Y, bà Phạm Thị H tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 670417 thuộc thửa đất số: 66, tờ bản đồ số 12, diện tích 14.898 m² tại làng S, xã I; huyện C, tỉnh Gia Lai. Đất Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/12/2016.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: GIL.BĐCN.232.280117 được công chứng tại Văn phòng công chứng số 1, tỉnh Gia Lai ngày 28/02/2017 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh G và ông Lê Tất Y, bà Phạm Thị H, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số GIL.BĐCN.232.280117 được công chứng tại phòng công chứng số 1, tỉnh Gia Lai giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh G và ông Lê Tất Y, bà Phạm Thị H, tài sản thế chấp như sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 255467,

thửa đất số: 6 diện tích 7.645 m², thửa đất số 8, diện tích 4.463m² tờ bản đồ số 11 tại làng S, xã I; huyện C, tỉnh Gia Lai. Đất đã được UBND huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/02/2011.

2/ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 624340, thửa đất số: 47, tờ bản đồ số 12 diện tích 2.700 m² tại làng S, xã I; huyện C, tỉnh Gia Lai. Đất đã được UBND huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai cấp ngày 20/01/2017.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh G trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 255467 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 624340 cho ông Lê Tất Y và bà Phạm Thị H sau khi ông Y và bà H đã thanh toán tất cả các khoản nợ trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: án phí dân sự sơ thẩm là 21.717.000đ (Hai mươi một triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng).

Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận Bị đơn ông Lê Tất Y và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ chung chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.717.000đ (Hai mươi một triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh G số tiền tạm ứng án phí trước đây đã nộp là 20.928.564đ (Hai mươi triệu chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006604 ngày 01/10/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

Về chi phí Tố tụng: Ông Lê Tất Y và bà Phạm Thị H thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh G số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Khương

